

TÍN CHỈ CARBON TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM: TIỀM NĂNG THÚC ĐẨY ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ XANH

Phùng Trọng Quế¹

Email: quept@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0002-4762-4702

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/01/2026. Ngày phản biện đánh giá: 01/07/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/07/2026.

DOI: 10.59266/houjs.2026.1376

Tóm tắt: Bài viết phân tích khuôn khổ pháp lý điều chỉnh tín chỉ carbon trong pháp luật Việt Nam và đánh giá vai trò của cơ chế này như một công cụ chính sách nhằm thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hướng tới tăng trưởng kinh tế xanh. Phù hợp với nghĩa vụ thực hiện Thỏa thuận Paris và cam kết của Việt Nam tại COP26 về đạt phát thải ròng bằng ‘0’ vào năm 2050, Việt Nam đã từng bước hình thành thị trường carbon nội địa thông qua Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời tham gia các cơ chế tín chỉ carbon quốc tế có liên quan. Bài viết phân tích các quy định pháp luật hiện hành về tín chỉ carbon, làm rõ tiềm năng của cơ chế này trong việc thu hút dòng vốn FDI định hướng xanh, đồng thời chỉ ra những thách thức pháp lý và thể chế chủ yếu, từ đó, đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật góp phần tăng cường khả năng thu hút FDI chất lượng cao và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: tín chỉ carbon, thị trường carbon, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tăng trưởng kinh tế xanh, pháp luật môi trường

I. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đã trở thành thách thức toàn cầu cấp bách, buộc các quốc gia phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững. Đặc biệt, kể từ sau Hội nghị COP26 năm 2021, mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào 2050 được coi là “luật chơi” mới trong đầu tư quốc tế. Điều này có nghĩa là các dòng vốn đầu tư, bao gồm đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sẽ ngày càng ưu tiên những môi trường có chính sách môi trường minh bạch và hạ tầng “xanh”.

Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển thu hút lượng lớn FDI suốt ba thập kỷ qua, cũng đứng trước yêu cầu tái định hướng dòng vốn này. Về mặt tích cực, FDI đã góp phần quan trọng cho tăng trưởng kinh tế nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ biến Việt Nam thành “công xưởng carbon” nếu thiếu các quy định môi trường chặt chẽ. Nhận thức rõ điều đó, Việt Nam đã chủ động cam kết mạnh mẽ về khí hậu như tham gia Thỏa thuận Paris 2015 và tuyên bố mục tiêu đạt Net Zero 2050.

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Để thực hiện cam kết, Luật Bảo vệ môi trường 2020 của Việt Nam lần đầu tiên đưa quy định về thị trường carbon trong nước, coi đó là công cụ kinh tế trọng tâm nhằm giảm phát thải khí nhà kính. Theo Luật này và các văn bản hướng dẫn, tín chỉ carbon - hiểu là chứng chỉ tương đương 1 tấn CO₂ giảm phát thải sẽ được thừa nhận là hàng hóa có thể giao dịch trong cơ chế thị trường carbon quốc gia.

Việc thiết lập thị trường tín chỉ carbon được kỳ vọng không chỉ giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu giảm phát thải, mà còn tạo điểm hấp dẫn mới cho FDI xanh. Các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là từ những quốc gia có tiêu chuẩn môi trường cao, đang tìm kiếm các điểm đến có chiến lược tăng trưởng xanh, cho phép họ thực hiện trách nhiệm môi trường với chi phí hiệu quả. Trong bối cảnh đó, nếu được vận hành minh bạch, hiệu quả thì cơ chế tín chỉ carbon sẽ trở thành “điểm cộng chiến lược” giúp Việt Nam thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao vào các lĩnh vực ít carbon như năng lượng tái tạo, công nghệ sạch.

Tuy vậy, cơ chế mới mẻ này tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hình thành. Thị trường carbon nội địa mới vận hành chính thức và còn nhiều thách thức về pháp lý, kỹ thuật và nhận thức. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá tính pháp lý, tiềm năng và những bất cập của tín chỉ carbon trong thu hút FDI xanh là cần thiết, nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện phù hợp với điều kiện Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

Tín chỉ carbon (carbon credit) là một loại giấy phép hoặc chứng nhận thương mại, xác nhận quyền phát thải một tấn CO₂ (hoặc lượng khí nhà kính khác

quy đổi tương đương). Về bản chất, tín chỉ carbon hình thành từ các dự án, hoạt động giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính so với kịch bản thông thường. Chủ dự án sau đó được cấp tín chỉ và có thể bán cho tổ chức, cá nhân khác để bù đắp phần phát thải vượt hạn ngạch của bên mua. Cơ chế này tạo ra thị trường mua bán “quyền phát thải” - gọi chung là thị trường carbon. Thị trường các-bon có thể được phân thành thị trường tuân thủ và thị trường tự nguyện. Thị trường bắt buộc (theo các cơ chế pháp lý như CDM, SDM) và tự nguyện (giữa các doanh nghiệp, tổ chức theo sáng kiến tự nguyện nhằm đáp ứng mục tiêu ESG) (Nguyễn, 2025).

Song song với xu thế toàn cầu, khái niệm FDI xanh (hay FDI carbon thấp) được đề cập nhiều trong lý luận phát triển bền vững. Đây là dòng vốn đầu tư nước ngoài hướng vào các dự án, công nghệ giúp giảm phát thải CO₂ tại nước tiếp nhận. FDI xanh mang lại lợi ích kép, một mặt vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, một mặt vừa hỗ trợ quốc gia tiếp nhận thực hiện mục tiêu môi trường. Ngược lại, nếu thiếu các cơ chế định giá carbon và quy định môi trường phù hợp, FDI cũng có thể trở thành kênh “chuyển dịch ô nhiễm” sang các nước đang phát triển hiện tượng gọi là “thiên đường ô nhiễm”, (Nguyễn, 2012). Do đó, việc thiết kế khung chính sách để sàng lọc và thu hút FDI ít carbon là đòi hỏi tất yếu. Trong đó, cơ chế tín chỉ carbon được xem là một trong những công cụ quan trọng, vừa tạo ra giá trị kinh tế cho việc giảm phát thải, khuyến khích nhà đầu tư lựa chọn phương án công nghệ sạch, vừa có thể mua bán tín chỉ để tuân thủ các chuẩn mực phát thải.

Nói cách khác, với đầu tư trực tiếp nước ngoài, thị trường carbon có thể tác động đến quyết định của nhà đầu tư thông qua tín hiệu chi phí carbon, khả năng thương mại hóa kết quả giảm phát thải và mức độ ổn định của môi trường thể chế. Theo cách tiếp cận về lợi thế địa điểm trong lý thuyết đầu tư quốc tế, một hệ thống pháp luật carbon minh bạch, có khả năng dự đoán và tương thích với các chuẩn mực quốc tế có thể trở thành một yếu tố của môi trường đầu tư, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và mô hình sản xuất phát thải thấp. Đồng thời, cơ chế tín chỉ có thể tạo thêm dòng doanh thu hoặc giảm chi phí tuân thủ cho dự án giảm phát thải.

III. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích pháp luật thực định và tổng hợp tài liệu thứ cấp. Các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn được phân tích theo nội dung, hiệu lực và mối quan hệ giữa các cơ chế quản lý phát thải, giao dịch trong nước và chuyển giao quốc tế. Bài viết đồng thời tham chiếu một số báo cáo và tiêu chuẩn quốc tế về tính toàn vẹn của tín chỉ carbon để nhận diện những yêu cầu đặt ra đối với pháp luật Việt Nam.

IV. Kết quả thảo luận

4.1. *Thực trạng pháp luật về tín chỉ carbon và thị trường carbon ở Việt Nam*

Luật BVMT năm 2020 đặt nền tảng pháp lý cho thị trường carbon tại Việt Nam. Theo đó, “*tín chỉ các-bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn CO₂*

hoặc một tấn khí nhà kính quy đổi tương đương”. Luật cũng đã quy định cơ chế quản lý phát thải khí nhà kính và hướng tới trao đổi hạn ngạch phát thải, tín chỉ carbon như một công cụ kinh tế hỗ trợ giảm phát thải. Trên cơ sở đó, Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn tiếp tục cụ thể hóa yêu cầu kiểm kê khí nhà kính, cơ chế quản lý phát thải và định hướng tổ chức thị trường carbon với những lộ trình cụ thể như giai đoạn hết 2027 về xây dựng quản lý tín chỉ carbon; từ 2028 tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon chính thức. Bên cạnh đó, nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT đã bổ sung một số nội dung liên quan thị trường carbon. Nghị định này đã xác định rõ đối tượng tham gia thị trường carbon nội địa gồm: (i) Các cơ sở thuộc danh mục phải kiểm kê khí nhà kính (tức các doanh nghiệp phát thải lớn thuộc 5 lĩnh vực: năng lượng, giao thông, xây dựng, công nghiệp, chất thải); (ii) Tổ chức tham gia thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế phù hợp quy định pháp luật và điều ước quốc tế; (iii) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến đầu tư, kinh doanh hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon. Đáng lưu ý, nghị định cho phép tổ chức nước ngoài có thể xây dựng và thực hiện dự án giảm phát thải tại Việt Nam theo các cơ chế trao đổi tín chỉ carbon, sau đó đăng ký với Bộ Tài nguyên & Môi trường để được cấp tín chỉ.

Về định hướng chiến lược và tổ chức thị trường, Quyết định 896/QĐ-TTg xác lập khung mục tiêu khí hậu dài hạn, còn Quyết định 232/QĐ-TTg phê duyệt Đề án

thành lập và phát triển thị trường các-bon với lộ trình triển khai theo giai đoạn.

Trong bối cảnh cam kết quốc tế, Thỏa thuận Paris yêu cầu các quốc gia tăng cường nỗ lực giảm phát thải và minh bạch thông tin, từ đó thúc đẩy nhu cầu xây dựng cơ chế định giá carbon và các công cụ tín chỉ có tính toàn vẹn. (UNFCCC, 2015).

Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 01/8/2025, đã sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2022/NĐ-CP theo hướng cụ thể hóa hơn cơ chế phân bổ hạn ngạch, trao đổi tín chỉ, hệ thống đăng ký quốc gia và lộ trình phát triển thị trường các-bon. Mới đây, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 29/2026/NĐ-CP về sàn giao dịch các-bon trong nước và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đã quy định các hoạt động đăng ký Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đã quy định các hoạt động đăng ký, cấp mã trong nước, chuyển quyền sở hữu, lưu ký, giao dịch và thanh toán đối với hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đủ điều kiện giao dịch. Sàn giao dịch được tổ chức vận hành thí điểm đến hết ngày 31/12/2028 và chuyển sang giai đoạn tiếp theo từ ngày 01/01/2029. Như vậy, thị trường các-bon Việt Nam đã vượt qua giai đoạn chỉ xây dựng định hướng pháp lý và đang bước vào giai đoạn thiết lập, vận hành thử nghiệm hạ tầng thị trường. Tuy nhiên, tính thanh khoản, khả năng hình thành giá và hiệu quả vận hành thực tế vẫn cần được tiếp tục theo dõi và đánh giá

Việt Nam có tiềm năng hình thành tín chỉ carbon trong nhiều lĩnh vực như năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, quản lý chất thải và các giải pháp dựa vào

thiên nhiên. Chẳng hạn, trong lĩnh vực lâm nghiệp, ước tính có thể tạo ra 40 - 70 triệu tín chỉ carbon rừng giai đoạn 2021- 2030, đem lại hàng tỷ USD giá trị nếu được khai thác hiệu quả (Tạp chí Kinh tế Tài chính, 2022). Trong lĩnh vực năng lượng, chuyển dịch từ than sang năng lượng tái tạo mở ra dư địa đáng kể cho tín chỉ carbon từ các dự án điện gió, điện mặt trời và các giải pháp giảm phát thải liên quan. Như vậy, nguồn cung tín chỉ của nước ta khá dồi dào, tạo nền tảng cho một thị trường carbon sôi động trong tương lai.

Đối với FDI, việc phát triển thị trường carbon có thể trở thành một yếu tố nâng chất lượng môi trường đầu tư và thu hút dòng vốn FDI xanh. Thị trường carbon giống như một “tín hiệu xanh” khẳng định Việt Nam nghiêm túc với tăng trưởng xanh, từ đó tăng niềm tin cho các doanh nghiệp FDI dài hạn.

4.2. Những hạn chế, bất cập hiện tại của cơ chế tín chỉ carbon

Thứ nhất, thị trường carbon trong nước đang ở giai đoạn mới hình thành, nên tính thanh khoản, cơ chế định giá và niềm tin thị trường chưa ổn định; điều này làm tăng rủi ro cho nhà đầu tư khi xây dựng phương án tài chính dựa trên tín chỉ. Lộ trình ban đầu dự kiến vận hành thí điểm từ 2025 và chính thức từ 2028, tuy nhiên việc triển khai có phần chậm so với kế hoạch. Theo cập nhật của tác giả, phải sang đầu 2026, sàn giao dịch mới bắt đầu thử nghiệm. Đây là rào cản cho các nhà đầu tư nước ngoài khiến họ có thể trì hoãn quyết định đầu tư “xanh” vào Việt Nam do chưa thấy ngay một thị trường carbon ổn định để tham gia.

Thứ hai, khung pháp lý chi tiết cho vận hành thị trường các-bon vẫn còn khoảng trống và cần tiếp tục đồng bộ hóa.

Mặc dù Nghị định 06/2022/NĐ-CP và Nghị định 119/2025/NĐ-CP đã đặt nền tảng cho giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tổ chức thị trường các-bon, nhiều quy phạm kỹ thuật và cơ chế vận hành cụ thể vẫn cần được hướng dẫn đầy đủ để thị trường hoạt động minh bạch, ổn định. Đáng lưu ý, về thuế đã xuất hiện ưu đãi mới khi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu; tuy vậy, hướng dẫn kế toán và xử lý nghĩa vụ tài chính đối với các tình huống giao dịch đa dạng (ví dụ chuyển nhượng thứ cấp, nguyên tắc ghi nhận/định giá) vẫn là điểm doanh nghiệp cần được làm rõ để giảm chi phí tuân thủ. Bên cạnh đó, yêu cầu về đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) là điều kiện then chốt để bảo đảm chất lượng và khả năng được thừa nhận, cho thấy nhu cầu hoàn thiện hệ thống MRV chặt chẽ nhằm tăng độ tin cậy của tín chỉ. Về tổ chức thực hiện, các quy định hiện hành đã phân định vai trò giữa cơ quan quản lý môi trường và cơ quan tài chính trong phát triển thị trường các-bon và sàn giao dịch; tuy nhiên, để tránh chồng chéo giữa quản lý môi trường và quản lý tài chính, vẫn cần cơ chế phối hợp liên ngành thống nhất và các hướng dẫn triển khai chi tiết.

Thứ ba, nhận thức và năng lực tham gia thị trường của doanh nghiệp còn hạn chế. Trong giai đoạn hình thành thị trường các-bon, mức độ sẵn sàng của doanh nghiệp Việt Nam có sự khác biệt đáng kể, với các điểm nghẽn tập trung vào năng lực kiểm kê khí nhà kính, chất lượng báo cáo và khả năng thẩm định đáp ứng MRV (VnEconomy, 2025). Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt nhóm vừa và nhỏ, còn

thiếu đội ngũ chuyên trách và công cụ thu thập, chuẩn hóa dữ liệu phát thải, khiến việc tuân thủ yêu cầu kiểm kê và chuẩn bị tham gia giao dịch tín chỉ gặp khó khăn. Đối với doanh nghiệp FDI mới vào Việt Nam, quá trình thích ứng với yêu cầu kiểm kê khí nhà kính và thủ tục tham gia thị trường trong nước có thể đòi hỏi thời gian và nguồn lực nhất định, nhất là khi hệ thống dữ liệu nội bộ cần được chuẩn hóa theo quy trình MRV (Vietnam News, 2025). Trong khi đó, hoạt động đào tạo và phổ biến kiến thức về thị trường các-bon đang được thúc đẩy nhưng chưa đồng đều, do đó giai đoạn đầu thị trường có thể đối diện rủi ro thanh khoản và biến động giá nếu nguồn cung - cầu chưa hình thành ổn định (EuroCham, 2024).

Thứ tư, mặc dù Nghị định số 112/2026/NĐ-CP đã thiết lập nguyên tắc, thẩm quyền, tỷ lệ và trình tự cơ bản cho việc chuyển giao quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon, hiệu quả thực thi còn phụ thuộc vào năng lực vận hành hệ thống đăng ký quốc gia, việc thực hiện điều chỉnh tương ứng, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý và khả năng cung cấp thông tin kịp thời cho nhà đầu tư. Vì vậy, thách thức trọng tâm đã chuyển từ thiếu cơ sở pháp lý sang bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và khả năng dự đoán trong tổ chức thực hiện.

4.3. Giải pháp và kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả của cơ chế tín chỉ carbon trong thu hút FDI hướng tới tăng trưởng xanh, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp, kiến nghị sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và thể chế vận hành thị trường carbon theo lộ trình quốc gia, làm rõ địa vị pháp lý của tín chỉ carbon, ví dụ sử dụng

tín chỉ làm tài sản bảo đảm hay xử lý tín chỉ carbon khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán hoặc phá sản, cũng như tiêu chí phân bổ và điều chỉnh hạn ngạch theo nguyên tắc minh bạch, có thể dự báo được.

Hai là, ban hành hướng dẫn phương pháp đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV); phát triển cơ sở dữ liệu phát thải; công nhận vai trò thẩm định/kiểm chứng độc lập theo thông lệ quốc tế để nâng tính toàn vẹn tín chỉ (Verra, 2024; Gold Standard, 2025). Bên cạnh đó, phát triển hạ tầng công nghệ số phục vụ thị trường carbon như xây dựng cổng thông tin trực tuyến để doanh nghiệp có thể đăng ký, nộp hồ sơ dự án tín chỉ và nhận giấy chứng nhận hoàn toàn online, rút ngắn thời gian xử lý.

Ba là, chủ động tham chiếu thông lệ quốc tế về cơ chế định giá carbon và quản trị hệ thống mua bán phát thải, từng bước tăng khả năng tương thích để hỗ trợ doanh nghiệp và dự án FDI tham gia thị trường với chi phí giao dịch hợp lý (ICAP, 2024).

Bốn là, lồng ghép tín chỉ carbon vào chính sách thu hút FDI theo hướng ưu đãi có điều kiện: ưu tiên dự án công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và giải pháp dựa vào thiên nhiên, gắn ưu đãi với yêu cầu chuyển giao công nghệ, minh bạch phát thải và tuân thủ MRV. Các tiêu chí môi trường nên được tích hợp vào quy trình thẩm định cấp phép FDI, ưu tiên dự án có kế hoạch giảm phát thải và tham gia thị trường carbon. Việc lồng ghép tiêu chí carbon vào chính sách thu hút FDI cần được thực hiện theo nguyên tắc trung lập về quốc tịch nhà đầu tư và dựa trên kết quả môi trường có thể đo lường. Thay vì phân bổ hạn ngạch miễn phí chỉ dựa trên tư cách doanh nghiệp FDI, Nhà nước có thể ưu tiên hỗ trợ chi phí nghiên cứu và

phát triển công nghệ sạch, xây dựng hệ thống MRV, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và phát triển hạ tầng giảm phát thải.

Năm là cần minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, chế tài. Nhà nước cần thiết lập cơ chế công bố thông tin định kỳ về hoạt động thị trường carbon: giá giao dịch bình quân, số lượng tín chỉ giao dịch, danh sách đơn vị phát thải lớn đã mua/bán tín chỉ, v.v. Điều này tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Đồng thời, xây dựng chế tài xử phạt nghiêm đối với các hành vi vi phạm: gian lận tín chỉ, báo cáo sai giảm phát thải, không thực hiện nghĩa vụ nộp trả hạn ngạch.

V. Kết luận

Tín chỉ carbon và thị trường carbon là các công cụ chính sách mới, phản ánh nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện cam kết khí hậu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát thải thấp. Việc luật hóa thị trường carbon thông qua Luật BVMT 2020 đã tạo nền tảng pháp lý ban đầu, mở ra kênh huy động nguồn lực thị trường cho mục tiêu giảm phát thải, đồng thời gia tăng sức hấp dẫn đối với dòng vốn FDI xanh.

Tuy nhiên, thị trường carbon Việt Nam hiện mới ở giai đoạn hình thành, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện về thể chế, hạ tầng kỹ thuật và năng lực tham gia của các chủ thể thị trường. Trong bối cảnh đó, nếu cơ chế tín chỉ carbon được thiết kế và vận hành minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, Việt Nam có thể đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện cam kết khí hậu và thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao, qua đó đóng góp thiết thực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh và bền vững.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp trường, Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2025-02.58.

Tài liệu tham khảo

Gold Standard. (2025). Gold Standard for the Global Goals: Principles and requirements (Version 2.1). Gold Standard. <https://globalgoals.goldstandard.org/101-par-principles-requirements/>

International Carbon Action Partnership. (2024). Emissions trading worldwide: Status report 2024. <https://icapcarbonaction.com/en/publications/emissions-trading-worldwide-2024-icap-status-report>

Nguyễn, T. B. (2025). Thị trường tín chỉ carbon tại Việt Nam, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*. <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/thi-truong-tin-chi-carbon-tai-viet-nam-65764.htm>

Nguyễn, T. K. A. (2012). Việt Nam có điểm đến của FDI carbon thấp?. *Tạp chí Dầu khí Việt Nam*, 12, 50-54. <https://www.dacsandaukhi.com.vn/index.php/TCDK/article/view/1018>

Quốc hội. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường* (Luật số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020).

United Nations Framework Convention on Climate Change. (2015). *Paris Agreement*. <https://unfccc.int/process-and-meetings/the-paris-agreement/the-paris-agreement>

Verra. (2024). *Verified Carbon Standard (VCS) Program rules and requirements*. <https://verra.org/programs/verified-carbon-standard/vcs-program-details/>

VnEconomy. (2025). *Mức độ sẵn sàng tham gia thị trường carbon của các doanh nghiệp Việt là khác nhau*. <https://vneconomy.vn/muc-do-san-sang-tham-gia-thi-truong-carbon-cua-cac-doanh-nghiep-viet-la-khac-nhau.htm>

Vietnam News. (2025). *Các doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn trong việc giao dịch tín chỉ carbon*.

CARBON CREDITS UNDER VIETNAMESE LAW: THE POTENTIAL TO PROMOTE FOREIGN DIRECT INVESTMENT TOWARD GREEN ECONOMIC GROWTH

Phung Trong Que¹

Abstract: *This article analyzes the legal framework governing carbon credits under Vietnamese law and assesses the role of this mechanism as a policy tool for promoting foreign direct investment (FDI) towards green economic growth. In alignment with its commitment to achieving net-zero emissions by 2050 under the Paris Agreement, Vietnam has gradually developed a domestic carbon market through the Law on Environmental Protection 2020 and its implementing regulations, while also participating in relevant international carbon credit mechanisms. The article examines current legal provisions on carbon credits, clarifies the potential of this mechanism to attract green-oriented FDI flows, and identifies major legal and institutional challenges. Based on these findings, it proposes directions for improving the legal framework to enhance Vietnam's capacity to attract high-quality FDI and foster sustainable economic development.*

Keywords: *carbon credits, carbon market, foreign direct investment, green economic growth, environmental law*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam